

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST.
Ngày: 21-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái
Ông Trần Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST – DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 19/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn H (Thiếu út P), sinh năm 1984 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn TH (Vợ D), sinh năm 1983 (Có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Khóm O, phường Y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn L, sinh năm 1979 (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Khóm O, phường Y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn H trình bày:

Vào năm 2019 bà có tham gia hội do bà Nguyễn L làm chủ hội, khi tham gia hội thì bà L ghi tên bà trong danh sách hội là “Thiếu út P” gồm các dây hội cụ thể sau:

Dây 1: Hội tuần 300.000 đồng, khai ngày 12/01/2019 âm lịch (dương lịch nhằm ngày 17/01/2019), mỗi tuần khai 01 lần, khai vào thứ bảy hàng tuần, bà L khai hai dây hội song song, mỗi dây hội có 40 phần, ở mỗi dây hội thì bà tham gia 01 phần, tức là hai dây hội thì bà tham gia hai phần. Ở hai dây hội này bà đóng hội đến 39 phần, phần hội cuối là của bà hết nhưng bà L không giao hội cho bà, bà đã đóng cho bà L mỗi dây hội là 39 phần x 300.000đ x 02 phần = 23.400.000 đồng, bà đồng ý khấu trừ tiền hoa hồng cho bà L hai dây hội là 300.000 đồng, số tiền còn yêu cầu trong dây hội này là 23.100.000 đồng.

Dây 2: Hội tuần khai ngày 04/3/2019 âm lịch (dương lịch nhằm ngày 28/01/2019) tại phiên tòa bà thống nhất với lời trình bày của bà L ngày khai hội là ngày 04/4/2019 âm lịch, mỗi tuần khai 01 lần vào ngày thứ tư hàng tuần, có 52 phần, bà tham gia 05 phần, ở dây hội này bà đóng hội sống đến lần thứ 28 với số tiền đóng cho bà L là 25.725.000 đồng. Nhưng do bà L tự ngưng không khai hội tiếp, tại phiên tòa hôm nay, bà cũng thống nhất với bà L là dây hội này chỉ khai 27 lần, quy ra tiền tương đương là 27 lần x 300.000 đồng x 05 phần = 40.500.000 đồng, trừ tiền hoa hồng là 150.000 đồng. Số tiền còn yêu cầu là 40.350.000 đồng.

Dây 3: Hội tuần khai ngày 19/7/2019 âm lịch, mỗi tuần khai 01 lần vào ngày thứ hai hàng tuần, có 71 phần, bà tham gia 03 phần, ở dây hội này bà đóng hội sống đến lần thứ 13 với số tiền đóng cho bà L là 7.020.000 đồng. Nhưng do bà L tự ngưng không khai hội tiếp, tại phiên tòa hôm nay, bà cũng thống nhất với bà L là dây hội này đã khai 12 lần, quy ra tiền tương đương là 12 lần x 300.000 đồng x 03 phần = 10.800.000 đồng, trừ tiền hoa hồng là 150.000 đồng. Số tiền còn yêu cầu là 10.650.000 đồng.

Bà đã nhiều lần liên hệ với bà L và ông Q để yêu cầu trả lại tiền hội cho bà nhưng chỉ hứa hẹn cho qua lễ chứ không thực hiện việc trả nợ. Bà L yêu cầu trả 500.000 đồng mỗi tháng thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà Nguyễn L cùng chồng là ông Nguyễn Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hội tổng cộng là 23.100.000đ + 10.650.000đ + 40.350.000đ = 74.100.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng).

2/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn TH trình bày:

Vào năm 2019 bà có tham gia hội do bà Nguyễn L làm chủ hội, khi tham gia hội thì bà L ghi tên bà trong danh sách hội là “vợ D” gồm các dây hội cụ thể sau:

Dây 1: Hội tuần 300.000 đồng, khai ngày 12/01/2019 âm lịch (dương lịch là ngày 17/01/2019), mỗi tuần khai 01 lần, khai vào thứ bảy hàng tuần, bà L

khui hai dây hụi song song, mỗi dây hụi có 40 phần, ở mỗi dây hụi thì bà tham gia 02 phần, tức là hai dây hụi thì bà tham gia 04 phần, ở dây hụi này bà đóng hụi cho bà L được 38 phần ở mỗi dây, nhưng bà L không giao tiền hụi cho bà. Số lần hụi bà đã đóng cho bà L tương đương là $38 \text{ phần} \times 300.000\text{đ} \times 04 \text{ phần} = 45.600.000$ đồng, bà thống nhất trừ tiền huê hồng lại cho bà L ở hai dây hụi là 300.000đ.

Bà đã nhiều lần liên hệ với bà L và ông Q để yêu cầu trả lại tiền hụi cho bà nhưng chỉ hứa hẹn cho qua lễ chứ không thực hiện việc trả nợ. Bà L yêu cầu trả 500.000 đồng mỗi tháng thì bà không đồng ý.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà Nguyễn L cùng chồng là ông Nguyễn Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi là 45.600.000 đồng – 300.000 đồng = 45.300.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, ba trăm nghìn đồng).

3/ Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn L trình bày như sau:

Bà có làm chủ hụi một số dây hụi. cụ thể, dây hụi tuần 300.000 đồng khai ngày 12/01/2019 âm lịch, khai hụi vào lúc 08 giờ sáng ngày thứ bảy hàng tuần, có 02 dây hụi chơi song song, mỗi dây hụi có 40 phần, trong danh sách hụi để tên “Thiểm Út P” tức là bà Nguyễn H có tham gia 02 phần trong hai dây hụi, hụi đã khai đến lần thứ 39 thì ngưng, mỗi dây hụi thì bà H đã đóng hụi đến lần thứ 39, hụi tham gia bà làm chủ hụi sẽ được hưởng hoa hồng trên số tiền 150.000 đồng mỗi dây. Hụi của bà H vẫn còn sống. Trong dây hụi này thì bà Nguyễn TH có tên trong danh sách hụi bà ghi là “vợ D” thì bà TH cũng có tham gia ở mỗi dây hụi là 02 phần, bà TH đúng là đã đóng hụi sống cho bà đến lần thứ 38. Dây hụi tuần 300.000 đồng, khai ngày 04/4/2019 âm lịch, khai vào sáng thứ tư hàng tuần, hụi có 54 phần, bà Nguyễn H danh sách hụi để tên “Thiểm Út P” có tham gia 05 phần, đã khai hụi đến lần thứ 27 thì bà ngưng khai hụi nữa. Hụi của bà H vẫn còn sống.

Dây hụi tuần 300.000 đồng, khai ngày 19/7/2019 âm lịch, khai vào sáng thứ hai hàng tuần, hụi có 71 phần, bà Nguyễn H danh sách hụi để tên “Thiểm Út P” có tham gia 03 phần, đã khai hụi đến lần thứ 12 thì bà ngưng khai hụi. Hụi của bà H vẫn còn sống. Khi bà lập danh sách tên để theo dõi hụi viên đóng tiền mỗi lần khai hụi, khi bà đi gom hụi thì ai đóng rồi bà sẽ đánh dấu “x” trong danh sách bà lập, chỗ bà H thì danh sách theo dõi bà ghi tắt là “Thiểm Út Ph” chính là Thiểm út P.

Do khi mở hụi có một số hụi viên hốt hụi không đóng hụi chết lại cho bà nên bà không đủ khả năng trả hụi, bẽ hụi, bà mở hụi cũng nhằm mục đích có thêm thu nhập phục vụ kinh tế gia đình. Bà cũng thống nhất còn nợ tiền hụi của bà H và bà TH theo như hai bà đã yêu cầu nhưng do hiện nay bà quá khó khăn xin được trả dần mỗi tháng cho mỗi người là 500.000 đồng.

4/ Theo tài liệu tòa án thu thập được từ cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm, ông Nguyễn Q trình bày như sau:

Ông Q thừa nhận có biết việc vợ ông là bà L tổ chức mở các dây hụi. Lúc đầu không đồng ý nhưng vợ ông vẫn mở, có khi vợ ông mệt thì ông có chở vợ ông đi gom tiền hụi.

5/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, không có người đại diện hợp pháp đại diện tham gia phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ của yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn H số tiền 74.100.000 đồng, trả cho bà Nguyễn TH số tiền 45.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng không có lý do chính đáng, không có người đại diện hợp pháp đại diện tham gia phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn H yêu cầu bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 74.100.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn bà L cũng thừa nhận còn nợ số tiền nợ hụi theo như bà H yêu cầu, xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc các bên thống nhất về các dây hụi đã mở, ngày khai hụi, các dây hụi đã tham gia, số lần hụi đã đóng và thống nhất số tiền bà L còn nợ tiền hụi bà H là 74.100.000 đồng theo như bà H khởi kiện. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà L còn nợ tiền hụi bà H là 74.100.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn TH yêu cầu bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi tổng cộng là 45.300.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn bà L cũng thừa nhận còn nợ số tiền nợ hụi theo như bà TH yêu cầu, xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc các bên thống nhất về các dây hụi đã mở, ngày khai

hội, các dây hội đã tham gia, số lần hội đã đóng và thống nhất số tiền bà L còn nợ tiền hội bà TH là 45.300.000 đồng theo như bà TH khởi kiện. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà L còn nợ tiền hội bà TH là 45.300.000 đồng.

[4] Việc các đương sự mở hội, tham gia hội trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Việc bà L làm chủ hội, các hội viên tham gia hội đóng tiền đầy đủ nhưng đến kỳ hót hội của các hội viên thì chủ hội không giao hội cho các hội viên đồng thời chủ hội cũng tự ý ngừng khai hội nhưng lại không trả tiền hội mà các hội viên đã đóng cho là vi phạm các quy định về nghĩa vụ của chủ hội theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 15, 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường và các Điều 18, 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Do đó, việc các hội viên bà H và bà TH khởi kiện yêu cầu buộc bà L trả số tiền các lần hội sống đã đóng cho bà L là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về trách nhiệm liên đới: Ông Nguyễn Q là chồng của bà Nguyễn L biết việc bà L mở hội, cũng từng chở bà L đi gom hội, bà L làm chủ hội cũng nhằm mục đích kiếm thêm thu nhập phục vụ kinh tế cho gia đình nên căn cứ vào khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng khi một bên vợ hoặc chồng thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên việc bà H và bà TH yêu cầu ông Q cùng có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả tiền hội là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L và ông Q phải chịu án phí là 5.970.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn H về việc yêu cầu bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi.

Buộc bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn H số tiền là 74.100.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu, một trăm nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà Nguyễn H yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q còn phải trả lãi cho bà Nguyễn H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn TH về việc yêu cầu bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ hụi.

Buộc bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q cùng có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn TH số tiền là 45.300.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà Nguyễn TH yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q còn phải trả lãi cho bà Nguyễn TH theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn L và ông Nguyễn Q cùng phải chịu án phí là 5.970.000 đồng (*Năm triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Bà Nguyễn H không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.925.000 đồng (*Một triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007693, ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Nguyễn TH không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007692, ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng